

Tác dụng : Là một enzym lấy từ môi trường nuôi cấy *Aspergillus flavus*, có khả năng phân hủy in vitro và in vivo acid uric.

Chỉ định : Tăng acid uric-huyết ở người suy thận mạn tính, sỏi mật hoặc sỏi thận do tăng acid uric trong máu, tăng acid uric thứ phát do một số bệnh ở máu, bệnh gút nặng đã điều trị bằng các thuốc khác chưa khỏi.

Liều dùng : Trung bình, tiêm bắp 1 ống 1000 đơn vị/24 giờ. Có thể tiêm tĩnh mạch (pha với dung dịch glucose đẳng trương) nếu có chống chỉ định khi tiêm bắp.

Lưu ý : *Thuốc gần như không độc - Với bệnh gút nặng, nên dùng xen kẽ, từng đợt thuốc, phối hợp với colchicin và từng đợt dùng thuốc ức chế tổng hợp acid uric (như allopurinol).*

Uremiase (Pháp)

Dạng thuốc : Viên có :

Silic	1,6mg
Cholesterol	1,1mg
Tricalciphosphat	0,1mg
Dinatriphosphat	0,1mg
Na chlorid	0,1mg
Renin (bột thận)	20mg
Combretum micranthum	20mg
Calci carbonat	57mg

Tác dụng : Lợi mật.

Chỉ định : Rối loạn tiêu hóa : trường bụng, chậm tiêu, ợ, buồn nôn, nôn.

Liều dùng : Người lớn uống 9 viên/ngày - chia 3 lần, trước bữa ăn. Uống 2-3 tuần - Trẻ em từ 10-14 tuổi, uống 6 viên/ngày, chia 3 lần trước bữa ăn.

Lưu ý : *Không dùng nếu bị tắc đường mật.*

Urofollitropin

Tên khác : *Hormone folliculo-stimulante*

Dạng thuốc : Ống bột đông khô 75UI hormon FSH của người, tinh chế ở mức cao kèm ống dung môi dd 0,9% NaCl : 1ml

Tác dụng : Bào chế từ gonadotrophin của phụ nữ mãn kinh (hMG), có tác dụng chủ yếu FSH, có thể là kích thích sự phát triển và rụng trứng chín các tiểu nang De Graaf.

Chỉ định : Thường điều trị kèm tiếp theo với gonadotrophin chorionic (HCG) trường hợp vô sinh ở phụ nữ có rối loạn chức năng vùng đồi-tuyến yên với triệu chứng ít kinh hoặc vô kinh.

Còn dùng để kích thích sự phát triển các tiểu nang ở những phụ nữ cần đến các kỹ thuật

sinh con có y học hỗ trợ như phương pháp thụ tinh in vitro (FIV), di chuyển ống giao tử (GiFT) hoặc bào thai (ZIFT)

Liều dùng : Tiêm dưới da hoặc bắp. Thường bắt đầu 75-150 UI/FSH/ngày sau tăng hay giảm đi tùy theo đáp ứng. Khi đã đạt tới mức tối ưu, tiêm bắp 1 liều duy nhất HCG (có thể tới 100000 UI) sau 24-48 giờ lần tiêm cuối.

Chống chỉ định : Có tiền sử mãn cảm với các menotropin- Các buồng trứng phì đại hoặc u nang không do hội chứng buồng trứng đa nang, băng huyết chưa rõ nguyên nhân, carcinom buồng trứng, tử cung hoặc vú, u vùng đồi-tuyến yên.

Khi không có đáp ứng đầy đủ với thuốc, trong các trường hợp như : suy buồng trứng nguyên phát, dị tật ở bộ phận sinh dục không thích hợp cho trường hợp có thai, u xơ tử cung không thích hợp cho thai nghén.

Lưu ý : *Tránh trộn lẫn với thuốc khác trong cùng bơm tiêm. Cần tiến hành tiêm ngay, sau khi đã hòa tan thuốc (để giảm sự hao hụt FSH do hấp thụ vào bơm tiêm).*

Urokinase

Là 1 plasminogen phân lập từ nước tiểu người.

Dạng thuốc : Lọ bột thuốc urokinase cô lạnh và ổn định, tương ứng 75000 đơn vị CTA kèm 1 ống 5ml dung môi.

Tác dụng : Là một enzym có sẵn trong cơ thể người (được phân lập từ nước tiểu), có tác dụng mạnh phân hủy fibrin (do phản ứng với plasminogen để chuyển thành plasmin). So với streptokinase, enzym này có ưu điểm là dùng được cho bệnh nhân mãn cảm với thuốc và không có khả năng kháng nguyên, nên thuốc có thể dùng được nhiều lần.

Chỉ định : Tai biến khối huyết - Nghẽn mạch ở tĩnh mạch hoặc động mạch, cũng như huyết khối mới xảy ra ở mạch.

Liều dùng : Trước khi dùng, cần làm xét nghiệm sinh hóa về quá trình đông máu. Liều dùng : tiêm nhỏ giọt tĩnh mạch phải dưới 100000 đv CTA/giờ. Thường tiêm truyền tĩnh mạch 1 lọ thuốc trên đây hòa tan vào ống dung môi kèm theo, rồi đem pha vào dung dịch glucose 5% để tiêm trong ít nhất 1-2 giờ. Liều thường dùng : 4 lọ /24giờ.

Chống chỉ định : Các tổn thương xuất huyết mới, các chứng chảy máu đang tiến triển, phụ nữ có thai (tuy chưa xác định được độc tính của thuốc tới bào thai).

Lưu ý : a) *Enzym không có tác dụng chống đông máu (nên cần dùng phối hợp với*